

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ K Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH K

Bản án số: 102/2023/HS-ST.

Ngày: 16/8/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K - TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Duy Cảnh và ông A Ừm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Công – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Ông Trần Viết Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 77/2023/TLST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2023/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2023 đối với:

Bị cáo **Trần Văn Đ**, Sinh năm: 1971, tại TB.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn 9, xã T, huyện K, tỉnh TB. Nơi ở trước khi bị bắt: Làng Krắk, xã Đ, huyện C, tỉnh G; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nGệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; con ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị **T** (Đều đã chết); gia đình bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 3; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày **07/03/2023** đến nay, có mặt.

- Bị hại: Ông Đinh Xuân G, sinh năm 1964; địa chỉ: 107 Huỳnh Thúc Kháng, Tổ 9, phường Q, thành phố K, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 ngày 24/01/2023, tại nhà ông Đinh Xuân G, địa chỉ 107 Huỳnh Thúc Kháng, Tổ 9, phường Q, thành phố K, tỉnh K, trong khi bị cáo Trần Văn Đ bán cây đót cho ông G, thì phát hiện 01 điện thoại di động OPPO A76 màu đen của ông G để trên tủ ở hiên trước nhà. Lợi dụng lúc ông G mang đót ra phơi trước cổng nhà, Đ liền lấy điện thoại cất giấu vào trong người rồi ra về. Đến ngày 07/3/2023, Cơ quan Công an phát hiện bắt giữ Đ và thu các đồ vật, tài sản gồm: 01 điện thoại di động OPPO A76 màu đen; 01 túi xách màu đen bên trong

có 01 gói chất tinh thể rắn màu trắng đựng trong bì ni lông hàn kín. Đ khai nhận: 01 điện thoại di động OPPO A76 màu đen là do bị cáo trộm cắp của ông G ngày 24/01/2023; 01 gói ma túy Đ mua giá 200.000 đồng của người nam thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) vào khoảng 18 giờ 00 ngày 06/3/2023 tại khu vực cầu Đăk Bla, phường Quyết Thắng, thành phố K. Đ đã sử dụng một phần, phần còn lại cất giấu trong túi xách để sử dụng tiếp. Ngày 07/3/2023 bị hại ông G giao nộp 01 vỏ hộp đựng điện thoại OPPO A76 màu đen nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản, kết luận: Giá trị của 01 điện thoại di động OPPO A76 tại thời điểm chiếm đoạt là **4.848.000** đồng.

Kết luận giám định về ma túy, kết luận: Chất tinh thể rắn màu trắng trong bì ni lông thu của bị cáo là ma túy **Methamphetamine**, khối lượng **0,031**gam (Sau giám định còn: **0,017**gam).

Tại Cáo trạng số 80/CT- VKSTPKT ngày 21/06/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo từ 06 đến 07 tháng tù.

Đề nghị xử lý vật chứng và buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định. Bị hại không yêu cầu gì về TNDS nên không đề cập.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Lời nói sau cùng: Bị cáo nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Bị hại ông G có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt ông G không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông G.

Về nội dung:

[1] Trên cơ sở lời khai của bị cáo, bị hại và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định: Vào khoảng 18 giờ 00 ngày 24/01/2023, tại nhà ông Đinh Xuân G địa chỉ 107 Huỳnh Thúc Kháng, Tổ 9, phường Q, thành phố K, bị cáo Trần Văn Đ đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của ông G 01 điện thoại di động OPPO A76 màu đen trị giá 4.848.000 đồng. Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo Đ đủ

yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Do đó Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn thành phố K.

[3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS cần xem xét khi quyết định hình phạt cho bị can.

[4] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

[5] Sau khi xem xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội; xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Xét thấy cần phải xử phạt nghiêm minh, cách ly bị cáo với đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo. Tuy nhiên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng có, nhân thân tốt; thực sự ăn năn hối cải, được thể hiện sau khi trộm cắp được điện thoại, bị cáo không bán, không sử dụng, mà có ý định trả lại cho bị hại. Nên HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt, để bị cáo thấy được lượng khoan hồng của pháp luật, mà cải tạo tốt, sớm trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

[6] Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có điều kiện chấp hành hình phạt bổ sung, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về các vấn đề khác:

- *Xử lý vật chứng vụ án:*

+ Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại ông G 01 điện thoại di động OPPO A76 và 01 vỏ hộp điện thoại là đúng pháp luật.

+ **0,017** gam ma túy Methamphetamine (*Số ma túy còn lại sau giám định*) là vật cấm tàng trữ, cấm lưu hành; 01 túi xách màu đen bị cáo dùng cất giấu ma túy. Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS và điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS tịch thu tiêu hủy;

- *Trách nhiệm dân sự:* Bị hại ông G không yêu cầu gì về TNDS nên không xem xét.

- *Về án phí:* Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Cơ quan Công an Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 5.000.000 đồng đối với Đ về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy*” là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Trần Văn Đ** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn Đ: 06** (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày **07/03/2023**).

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo Trần Văn Đ.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm:

- **0,017** (*Không thấy không mười bảy*) gam ma túy **Methamphetamine** (Số ma túy còn lại sau giám định) được đựng trong 01 (*một*) túi ni lông và được niêm phong trong 01 (*Một*) phong bì mặt trước có in nội dung “CÔNG AN TỈNH K PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ SỐ: 69/KL-KTHS”; mặt sau có các dấu hình tròn có nội dung “PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ CÔNG AN TỈNH K” và có các chữ ký những người tham gia niêm phong tại mép dán;

- **01** (*Một*) túi xách màu đen;

Các vật chứng trên có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 21/7/2023, giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Văn Đ phải chịu **200.000** (*Hai trăm nghìn*) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/8/2023). Bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND tỉnh K;
- VKSND Tp. K;
- Sở tư pháp tỉnh K;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp. K;
- Bộ phận HSNV Công an Tp. K;
- Chi cục THADS Tp. K;
- Hồ sơ THA hình sự; L- u HS.
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Hoài

